

Vai trò của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học và phát triển kỹ năng làm việc của sinh viên Việt Nam

Nguyễn Thanh Hương¹

Ngày nhận bài: 12/01/2026 | Ngày gửi phản biện: 19/01/2026 | Ngày duyệt đăng: 26/01/2026

Tóm tắt: Chuyển đổi số và tự động hóa đang đặt ra yêu cầu mới về kỹ năng làm việc đối với lực lượng lao động tương lai, trong đó, giáo dục đại học giữ vai trò then chốt. Trong bối cảnh này, trí tuệ nhân tạo tạo sinh nổi lên như một công nghệ có tác động sâu rộng đến quá trình đào tạo và phát triển kỹ năng của sinh viên. Bài viết phân tích vai trò của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học đối với việc phát triển kỹ năng làm việc của sinh viên Việt Nam. Thông qua tổng hợp tài liệu và kinh nghiệm quốc tế từ Liên minh châu Âu, Singapore và Hàn Quốc, nghiên cứu chỉ ra tiềm năng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong việc thúc đẩy năng lực số, tư duy phản biện, sáng tạo và ra quyết định dựa trên dữ liệu. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo tạo sinh, giáo dục đại học, kỹ năng làm việc, chuyển đổi số, năng lực AI, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với nền kinh tế - xã hội toàn cầu, đặc biệt là thị trường lao động và yêu cầu về kỹ năng của lực lượng lao động tương lai. Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), đặc biệt là trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI - GenAI) đã và đang làm thay đổi căn bản cách thức con người học tập, làm việc và ra quyết định. Các công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh như ChatGPT, Copilot hay Gemini không chỉ hỗ trợ xử lý thông tin mà còn có khả năng tạo nội dung, phân tích dữ liệu và đề xuất giải pháp, qua đó tác động mạnh mẽ đến nhiều ngành nghề và lĩnh vực kinh tế.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và tự động hóa ngày càng gia tăng, thị trường lao động đòi hỏi người lao động, đặc biệt là sinh viên - lực lượng lao động tương lai phải sở hữu các kỹ năng làm việc mới như năng lực số nâng cao, tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề phức tạp, sáng tạo và ra quyết định dựa trên dữ liệu (Salari& cộng sự, 2025). Trí tuệ nhân tạo tạo sinh được xem là một trong những công nghệ then chốt góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển các kỹ năng này, đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ đối với hệ thống giáo dục đại học. Giáo dục đại học giữ vai trò trung tâm trong việc trang bị cho sinh viên những năng lực cần thiết để thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động trong kỷ nguyên số. Trên thế giới, nhiều quốc gia và khu vực, đặc biệt là Liên minh châu Âu, đã ban hành các chiến lược và chính sách nhằm tích hợp AI và trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào giáo dục đại học, coi đây là công cụ quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng làm việc của sinh viên (European Commission, 2024). Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học vẫn còn mang tính tự phát, thiếu khung chính sách và định hướng rõ ràng, dẫn đến những lo ngại liên quan đến đạo đức học thuật, chất lượng đào tạo và sự chênh lệch trong tiếp cận công nghệ.

¹ TS., Khoa Quản lý, Trường Kinh tế, Đại học Bách Khoa Hà Nội;
Email: huong.nguyenthanh4@hust.edu.vn

2. Trí tuệ nhân tạo tạo sinh và tác động đến kỹ năng làm việc của sinh viên trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.1. Trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh là một nhánh của trí tuệ nhân tạo có khả năng tạo ra nội dung mới như văn bản, hình ảnh, mã lập trình hoặc dữ liệu tổng hợp dựa trên việc học từ các tập dữ liệu lớn. Khác với các hệ thống AI truyền thống chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ phân loại hoặc dự đoán, trí tuệ nhân tạo tạo sinh cho phép người dùng tương tác, đặt câu hỏi và đồng sáng tạo tri thức trong thời gian thực (Cazzaniga & cộng sự, 2024).

Trong lĩnh vực giáo dục đại học, trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang ngày càng được ứng dụng rộng rãi như một công cụ hỗ trợ học tập, nghiên cứu và giảng dạy. Các nền tảng như ChatGPT hay Copilot có thể hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm thông tin, tóm tắt tài liệu, xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch học tập và giải quyết các bài toán phức tạp. Theo UNESCO (2023), trí tuệ nhân tạo tạo sinh không chỉ đóng vai trò là công cụ công nghệ mà còn trở thành một tác nhân thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy và học, chuyển trọng tâm từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực và tư duy của người học. Sự tích hợp trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào giáo dục đại học diễn ra song song với quá trình chuyển đổi số trong giáo dục, đặt ra yêu cầu mới đối với các cơ sở đào tạo trong việc thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập. Thay vì chỉ tập trung vào ghi nhớ và tái hiện kiến thức, giáo dục đại học trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo tạo sinh cần hướng đến việc phát triển các kỹ năng làm việc cốt lõi để sinh viên có thể thích ứng với môi trường lao động không ngừng biến đổi.

2.2. Tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh đến các nhóm kỹ năng làm việc của sinh viên

Phát triển kỹ năng số và năng lực AI

Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong học tập góp phần nâng cao kỹ năng số của sinh viên, đặc biệt là năng lực sử dụng công nghệ một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Trí tuệ nhân tạo không chỉ bao gồm khả năng vận hành các công cụ AI mà còn bao hàm hiểu biết về cách thức hoạt động, giới hạn, rủi ro và các vấn đề đạo đức liên quan đến AI (OECD, 2022). Thông qua việc tương tác thường xuyên với các công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh, sinh viên có cơ hội làm quen với các công nghệ tiên tiến, từ đó nâng cao khả năng thích ứng với môi trường làm việc số hóa.

Thúc đẩy tư duy phản biện và giải quyết vấn đề

Mặc dù trí tuệ nhân tạo tạo sinh có khả năng cung cấp câu trả lời nhanh chóng, việc sử dụng hiệu quả công cụ này đòi hỏi sinh viên phải biết đặt câu hỏi phù hợp, đánh giá độ tin cậy của thông tin và kiểm chứng kết quả đầu ra. Điều này góp phần phát triển tư duy phản biện, một trong những kỹ năng làm việc quan trọng nhất trong thế kỷ XXI (WEF, 2023). Khi được hướng dẫn đúng cách, trí tuệ nhân tạo tạo sinh có thể trở thành công cụ hỗ trợ sinh viên phân tích vấn đề từ nhiều góc độ và xây dựng các giải pháp sáng tạo.

Nâng cao kỹ năng sáng tạo và đổi mới

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh tạo điều kiện cho sinh viên thử nghiệm ý tưởng, mô phỏng kịch bản và phát triển sản phẩm ở giai đoạn ý tưởng với chi phí thấp. Theo World Bank (2020), khả năng sáng tạo và đổi mới là những năng lực ngày càng được đánh giá cao trong thị trường lao động hiện đại. Việc tích hợp trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào các dự án học tập theo hướng học tập dựa trên dự án giúp sinh viên phát huy tư duy sáng tạo, đồng thời rèn luyện khả năng hợp tác và làm việc nhóm.

Phát triển kỹ năng ra quyết định dựa trên dữ liệu

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh có khả năng xử lý và phân tích lượng lớn dữ liệu, hỗ trợ sinh viên trong việc đưa ra quyết định dựa trên bằng chứng. Việc tiếp cận các công cụ này trong quá trình học tập giúp sinh viên hình thành tư duy dữ liệu, một kỹ năng thiết yếu trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp hiện nay (McKinsey, 2018).

3. Kinh nghiệm quốc tế về tích hợp trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học

3.1. Kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu

Liên minh châu Âu là một trong những khu vực tiên phong trong việc xây dựng khung chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học gắn với phát triển kỹ năng làm việc của sinh viên. Thông qua Kế hoạch Hành động giáo dục số giai đoạn 2021 - 2027 (Digital Education Action Plan - DEAP), EU nhấn mạnh vai trò của AI và dữ liệu trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời coi phát triển năng lực số và năng lực AI là mục tiêu trung tâm của giáo dục đại học trong kỷ nguyên số (European Commission, 2020).

EU tiếp cận việc tích hợp AI trong giáo dục đại học theo hướng hệ thống, kết hợp giữa đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên và thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở giáo dục với doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Các sáng kiến như HEInnovate và Viện Đổi mới và Công nghệ châu Âu (European Institute of Innovation and Technology - EIT) hỗ trợ các trường đại học phát triển mô hình đào tạo gắn với khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và nhu cầu của thị trường lao động, qua đó góp phần hình thành các kỹ năng làm việc cốt lõi cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số và tự động hóa (European Commission, 2024).

3.2. Kinh nghiệm từ Singapore

Tại châu Á, Singapore được xem là một trong những quốc gia đi đầu trong việc tích hợp trí tuệ nhân tạo vào giáo dục đại học như một phần của chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho nền kinh tế số. Trong khuôn khổ Chiến lược Trí tuệ nhân tạo quốc gia (National AI Strategy 2.0), Chính phủ Singapore xác định giáo dục đại học giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng lao động có kỹ năng số nâng cao và khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Cách tiếp cận của Singapore nhấn mạnh tính linh hoạt và định hướng thị trường trong thiết kế chương trình đào tạo đại học. Các cơ sở giáo dục được khuyến khích tích hợp AI và các công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh như phương tiện hỗ trợ học tập, nghiên cứu và phát triển kỹ năng, đồng thời tăng cường hợp tác với doanh nghiệp công nghệ nhằm gắn kết đào tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Thông qua đó, sinh viên không chỉ được trang bị kiến thức chuyên môn mà còn phát triển các kỹ năng làm việc quan trọng như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và năng lực thích ứng nghề nghiệp trong môi trường số (Government of Singapore, 2023).

3.3. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc

Hàn Quốc là một ví dụ điển hình khác về việc tích hợp trí tuệ nhân tạo vào giáo dục đại học trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực số ở cấp quốc gia. Thông qua chương trình Digital New Deal, Chính phủ Hàn Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo AI và kỹ năng số cho sinh viên đại học, coi đây là nền tảng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số và công nghiệp 4.0. Trong giáo dục đại học, Hàn Quốc thúc đẩy việc đưa AI và dữ liệu lớn vào chương trình đào tạo, đồng thời tăng cường hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp nhằm phát triển các kỹ năng làm việc gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Việc ứng dụng AI trong giảng dạy và học tập được định hướng theo hướng hỗ trợ sinh viên phát triển tư duy phân tích, năng lực giải quyết vấn đề và đổi mới sáng tạo, thay vì chỉ tập trung vào việc sử dụng công nghệ như một công cụ kỹ thuật đơn thuần. Bên cạnh đó, các nghiên cứu gần đây cho thấy thành công của Hàn Quốc trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn liền với các mô hình hợp tác đại học - doanh nghiệp được tích hợp chặt chẽ vào chính sách đổi mới sáng tạo quốc gia (Ranaweera, 2025). Thông qua việc liên kết chương trình đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp, mở rộng các hình thức thực tập và chương trình hợp tác đào tạo, hệ thống giáo dục đại học Hàn Quốc đã góp phần hình thành các cơ chế phát triển kỹ năng làm việc hiệu quả cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng thích ứng với môi trường công nghệ cao trong dài hạn.

3.4. Một số tổ chức quốc tế

Bên cạnh kinh nghiệm của các quốc gia cụ thể, OECD và UNESCO đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng chính sách và xây dựng các chuẩn mực chung về ứng dụng AI và trí tuệ nhân tạo

sinh trong giáo dục. OECD (2023) nhấn mạnh rằng việc tích hợp AI vào giáo dục đại học cần hướng tới mục tiêu phát triển kỹ năng làm việc của người học, đồng thời giảm thiểu các rủi ro liên quan đến bất bình đẳng, đạo đức và lạm dụng công nghệ. UNESCO (2023) kêu gọi các hệ thống giáo dục chuyển từ cách tiếp cận “cắm đoán” sang “định hướng và quản lý” việc sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong học tập và nghiên cứu. Theo đó, giáo dục đại học cần đóng vai trò dẫn dắt trong việc trang bị cho sinh viên năng lực sử dụng AI một cách sáng tạo, có trách nhiệm và phù hợp với các giá trị xã hội, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số.

4. Thực trạng và thách thức trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh vào giáo dục đại học tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, trong đó giáo dục và đào tạo được xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên. Theo Chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, giáo dục đại học được kỳ vọng đóng vai trò trung tâm trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số. Tuy nhiên, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học tại Việt Nam hiện vẫn đang ở giai đoạn khởi đầu và đối mặt với nhiều thách thức.

Trước hết, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong học tập của sinh viên diễn ra phổ biến nhưng mang tính tự phát. Nhiều sinh viên đã chủ động sử dụng các công cụ như ChatGPT để hỗ trợ làm bài tập, tìm kiếm thông tin, viết báo cáo hoặc chuẩn bị thuyết trình. Tuy nhiên, phần lớn hoạt động này chưa được tích hợp chính thức vào chương trình đào tạo và thiếu sự hướng dẫn từ phía nhà trường. Điều này dẫn đến nguy cơ lạm dụng công nghệ, làm suy giảm khả năng tư duy độc lập và gây lo ngại về gian lận học thuật (OECD, 2023).

Thứ hai, đội ngũ giảng viên và các cơ sở giáo dục đại học còn gặp khó khăn trong việc thích ứng với trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Nhiều giảng viên chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng liên quan đến AI, dẫn đến tâm lý e ngại hoặc xu hướng hạn chế sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giảng dạy. Theo UNESCO (2023), khoảng cách về năng lực số và kỹ năng AI giữa giảng viên và sinh viên là một trong những rào cản lớn đối với việc ứng dụng hiệu quả AI trong giáo dục đại học ở các quốc gia đang phát triển.

Thứ ba, Việt Nam hiện chưa có khung chính sách và hướng dẫn thống nhất về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học. Mặc dù đã có các văn bản định hướng về chuyển đổi số và ứng dụng AI ở tầm vĩ mô, nhưng các quy định cụ thể liên quan đến sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong dạy học, đánh giá và nghiên cứu vẫn còn thiếu. Điều này gây khó khăn cho các trường đại học trong việc triển khai các mô hình đào tạo mới, đồng thời làm gia tăng sự không đồng đều giữa các cơ sở giáo dục về mức độ tiếp cận và ứng dụng công nghệ.

Cuối cùng, sự chênh lệch về điều kiện hạ tầng và nguồn lực giữa các trường đại học cũng là một thách thức đáng kể. Các trường đại học lớn tại các đô thị có điều kiện tiếp cận công nghệ và nguồn lực tốt hơn so với các trường ở địa phương, dẫn đến nguy cơ gia tăng bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận trí tuệ nhân tạo tạo sinh của sinh viên. Theo World Bank (2020), nếu không có chính sách điều tiết phù hợp, việc ứng dụng công nghệ mới trong giáo dục có thể vô tình làm trầm trọng thêm khoảng cách kỹ năng và cơ hội việc làm giữa các nhóm sinh viên.

Những hạn chế trên cho thấy, mặc dù trí tuệ nhân tạo tạo sinh mang lại nhiều tiềm năng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển kỹ năng làm việc cho sinh viên, nhưng để khai thác hiệu quả công nghệ này, Việt Nam cần có cách tiếp cận mang tính hệ thống, gắn kết chặt chẽ giữa chính sách, nhà trường và thị trường lao động.

5. Khuyến nghị chính sách nhằm phát huy vai trò của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học tại Việt Nam

Để tận dụng hiệu quả tiềm năng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong việc phát triển kỹ năng làm việc của sinh viên, bài viết đề xuất một số khuyến nghị chính sách trọng tâm như sau:

Thứ nhất, xây dựng khung chính sách và hướng dẫn quốc gia về ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học. Nhà nước, đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo, cần ban hành khung hướng dẫn

chính thức về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong dạy học, học tập và đánh giá. Khung chính sách này cần làm rõ mục tiêu, phạm vi, nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm của các bên liên quan, đồng thời chuyển cách tiếp cận từ “hạn chế và kiểm soát” sang “định hướng và quản lý” việc sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh, phù hợp với khuyến nghị của OECD và UNESCO (OECD, 2023; UNESCO, 2023).

Thứ hai, tích hợp năng lực AI và kỹ năng số nâng cao vào chương trình đào tạo đại học. Các trường đại học cần chủ động rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tích hợp kỹ năng AI và kỹ năng làm việc trong môi trường số vào các học phần chuyên môn và kỹ năng mềm. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh nên gắn với các phương pháp giảng dạy tích cực như học tập dựa trên dự án, học tập dựa trên vấn đề và đánh giá theo năng lực, qua đó giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn.

Thứ ba, nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên trong việc sử dụng và quản lý trí tuệ nhân tạo tạo sinh. Đào tạo và bồi dưỡng giảng viên về AI và trí tuệ nhân tạo tạo sinh cần được coi là nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược phát triển giáo dục đại học. Các chương trình tập huấn nên tập trung vào việc giúp giảng viên hiểu rõ cách thức vận hành của trí tuệ nhân tạo tạo sinh, các rủi ro tiềm ẩn và phương pháp khai thác công nghệ này như một công cụ hỗ trợ giảng dạy, thay vì coi đó là mối đe dọa đối với chất lượng học thuật.

Thứ tư, tăng cường hợp tác giữa nhà trường, doanh nghiệp và các tổ chức công nghệ. Sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo là yếu tố then chốt để đảm bảo các kỹ năng được trang bị cho sinh viên phù hợp với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Các chương trình hợp tác đào tạo, thực tập và dự án ứng dụng AI giữa trường đại học và doanh nghiệp sẽ giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận các công cụ trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong môi trường làm việc thực tế, từ đó nâng cao khả năng làm việc và thích ứng nghề nghiệp.

Thứ năm, đảm bảo công bằng trong tiếp cận công nghệ và phát triển kỹ năng. Chính sách ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học cần chú trọng đến việc thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm sinh viên và giữa các cơ sở giáo dục. Nhà nước cần có cơ chế hỗ trợ về hạ tầng, nền tảng công nghệ và tài nguyên học tập số cho các trường đại học ở địa phương, nhằm đảm bảo mọi sinh viên đều có cơ hội tiếp cận và phát triển kỹ năng làm việc trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

1. Cazzaniga, M., Jaumotte, M. F., Li, L., Melina, M. G., Panton, A. J., Pizzinelli, C., & Tavares, M. M. (2024). *Gen-AI: Artificial intelligence and the future of work*. International Monetary Fund.
2. European Commission (2020). *Digital Education Action Plan 2021 - 2027: Resetting education and training for the digital age*. Brussels.
3. European Commission (2024). *Successful and timely uptake of Artificial Intelligence in science in the EU*. Brussels.
4. F. Miao & W. Holmes (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. <https://doi.org/10.54675/EWZM9535>
5. Government of Singapore (2023). *Singapore National AI Strategy 2.0*. Singapore.
6. McKinsey Global Institute (2018). *Skill shift: Automation and the future of the workforce*. McKinsey & Company.
7. Ministry of Education, Republic of Korea (2021). *Digital New Deal and artificial intelligence education policy*. Seoul.
8. OECD (2022). *Using Artificial Intelligence in the workplace: What are the main ethical risks?* OECD Publishing, Paris.
9. Ranaweera, A. L. A. K (2025). *From Knowledge to Industry: South Korea's University-Industry Collaboration Models and Their Implications for Technology-driven Transformation in the Electronics Sector of Sri Lanka*. Journal of Desk Research Review and Analysis, 3(2).
10. Salari, N., Beirumvand, M., Hosseinian-Far, A., Habibi, J., Babajani, F., & Mohammadi, M (2025). *Impacts of generative artificial intelligence on the future of labor market: A systematic review*. Computers in Human Behavior Reports, 100652.
11. World Bank (2020). *World Development Report 2020: The changing nature of work*. Washington, DC.
12. World Economic Forum (2023). *The future of jobs report 2023*. Geneva.